

Học phần: Thông tin di động

Nhóm: TEL1415-03

Số tín chỉ: 3

Ngày thi: 3/6/2016

Giờ thi: 13h00

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Điểm m THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:					10	10	10	10	60		
1	B12DCVT095	Đinh Hoàng	An	D12CQVT03-B	7,0	8,0	8,0	7,0	2,5	4,5	
2	B12DCVT294	Lê Tuấn	Anh	D12CQVT07-B	7,0	7,0	7,0	8,0	4,0	5,3	
3	B12DCVT145	Lê Văn	Anh	D12CQVT04-B	5,0	6,5	6,5	6,5	5,0	5,5	
4	B12DCVT099	Trần Thị Ngọc	ánh	D12CQVT03-B	9,0	8,0	7,0	7,0	5,5	6,4	
5	B12DCVT103	Ngô Trung	Đức	D12CQVT03-B	3,0	6,0	0,0	6,0		1,5	Không đủ ĐKDT
6	B12DCVT299	Nguyễn Việt	Đức	D12CQVT07-B	9,0	7,0	7,0	5,5	3,0	4,7	
7	B12DCVT156	Hoàng Thị	Duyên	D12CQVT04-B	9,0	8,0	7,0	8,0	9,0	8,6	
8	B12DCVT108	Nguyễn Thị Hà	Giang	D12CQVT03-B	9,0	7,5	7,0	7,0	6,0	6,7	
9	B12DCVT109	Nguyễn Đình	Giáp	D12CQVT03-B	5,0	7,0	7,0	7,0	2,5	4,1	
10	B12DCVT256	Lê Hồng	Hạ	D12CQVT06-B	9,0	7,0	6,0	6,5	5,5	6,2	
11	B12DCVT257	Nguyễn Thị	Hằng	D12CQVT06-B	9,0	7,0	6,0	6,5	6,0	6,5	
12	B12DCVT307	Hoàng Văn	Hạnh	D12CQVT07-B	9,0	8,0	7,0	6,5	4,0	5,5	
13	B12DCVT161	Nguyễn Văn	Hào	D12CQVT04-B	7,0	8,0	6,0	9,0	6,5	6,9	
14	B12DCVT258	Vũ Chí	Hào	D12CQVT06-B	9,0	8,0	9,0	8,0	9,0	8,8	
15	B12DCVT058	Trần Minh	Hiền	D12CQVT02-B	7,0	8,0	7,0	8,0	6,5	6,9	
16	B12DCVT113	Nguyễn Đình	Hoàn	D12CQVT03-B	5,0	6,5	8,0	8,0	6,5	6,7	
17	B12DCVT204	Vũ Ngọc	Hoàn	D12CQVT05-B	9,0	7,0	6,5	5,0	4,0	5,2	
18	B12DCVT012	Nguyễn Huy	Hoàng	D12CQVT01-B	9,0	6,5	5,0	6,0	7,0	6,9	
19	B12DCVT309	Nguyễn Huy	Hoàng	D12CQVT07-B	9,0	6,0	7,0	8,5	6,0	6,7	
20	B12DCVT205	Nguyễn Tiến	Hoàng	D12CQVT05-B	9,0	8,0	7,0	9,0	6,0	6,9	
21	B12DCVT114	Nguyễn Minh	Hùng	D12CQVT03-B	7,0	6,5	8,0	6,0	3,0	4,6	
22	B12DCVT208	Trần Việt	Hưng	D12CQVT05-B	3,0	5,5	7,0	6,0	4,5	4,9	
23	B12DCVT017	Đào Quang	Huy	D12CQVT01-B	7,0	7,0	8,5	5,0	5,0	5,8	
24	B12DCVT018	Nguyễn Duy	Huy	D12CQVT01-B	9,0	7,0	5,0	5,0	3,5	4,7	
25	B12DCVT118	Nguyễn Thị	Huyền	D12CQVT03-B	9,0	8,0	6,0	6,0	5,0	5,9	
26	B12DCVT068	Nguyễn Thị Trang	Huyền	D12CQVT02-B	9,0	7,0	8,5	10,0	6,5	7,4	
27	B12DCVT119	Nguyễn Ngọc	Khánh	D12CQVT03-B	9,0	6,0	8,5	7,0	5,0	6,1	
28	B12DCVT212	Vũ Trung	Kiên	D12CQVT05-B	9,0	7,5	4,0	5,0	5,0	5,6	
29	B12DCVT264	Nguyễn Thái	Lộc	D12CQVT06-B	9,0	8,0	6,0	6,0	4,0	5,3	
30	B12DCVT217	Nguyễn Thế	Minh	D12CQVT05-B	7,0	7,5	7,0	8,0	4,5	5,7	
31	B12DCVT321	Phạm Tuấn	Minh	D12CQVT07-B	7,0	7,0	6,0	7,0	4,5	5,4	
32	B12DCVT172	Nguyễn Thị	Ngọc	D12CQVT04-B	9,0	8,0	6,0	8,5	4,5	5,9	
33	B12DCVT272	Lương Tuấn	Nguyên	D12CQVT06-B	9,0	8,0	9,0	6,0	8,5	8,3	
34	B12DCVT125	Đỗ Thị	Nhàn	D12CQVT03-B	9,0	7,5	7,0	8,5	7,0	7,4	
35	B12DCVT325	Nguyễn Ngọc	Oanh	D12CQVT07-B	9,0	8,0	7,0	8,0	4,5	5,9	
36	B12DCVT127	Trần Hồng	Phúc	D12CQVT03-B	9,0	7,0	8,5	7,5	6,0	6,8	
37	B12DCVT222	Hà Thị	Phương	D12CQVT05-B	7,0	7,0	6,0	7,0	6,0	6,3	
38	B12DCVT330	Nguyễn Công	Quý	D12CQVT07-B	9,0	8,0	7,0	8,0	4,5	5,9	
39	B12DCVT177	Phạm Văn	Quý	D12CQVT04-B	9,0	6,5	6,5	6,0	3,0	4,6	
40	B12DCVT225	Hà Anh	Sơn	D12CQVT05-B	9,0	8,0	7,0	5,0	2,5	4,4	
41	B12DCVT079	Quách Thanh	Tâm	D12CQVT02-B	7,0	7,0	8,5	8,5	4,5	5,8	

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Điểm m THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:					10	10	10	10	60		
42	B12DCVT278	Nguyễn Đức	Thắng	D12CQVT06-B	9,0	7,0	7,0	5,0	5,0	5,8	
43	B12DCVT231	Nguyễn Hữu	Thắng	D12CQVT05-B	9,0	7,0	7,0	8,5	6,0	6,8	
44	B12DCVT083	Nguyễn Phương	Thảo	D12CQVT02-B	9,0	8,0	8,5	8,0	2,5	4,9	
45	B12DCVT335	Hoàng Hữu	Thuận	D12CQVT07-B	9,0	8,0	6,0	7,5	1,0	3,7	
46	B12DCVT336	Vũ Đức	Thuận	D12CQVT07-B	9,0	7,0	7,0	5,0	3,5	4,9	
47	B12DCVT285	Nguyễn Ngọc	Thúy	D12CQVT06-B	9,0	7,0	6,0	9,0	6,5	7,0	
48	B12DCVT337	Nguyễn Công	Tiến	D12CQVT07-B	7,0	8,0	9,0	6,5	0,5	3,4	
49	B12DCVT037	Nguyễn Đức	Tiến	D12CQVT01-B	7,0	8,0	5,0	6,5	2,0	3,9	
50	B12DCVT086	Vũ Đình	Tiến	D12CQVT02-B	5,0	9,0	8,0	7,0	1,0	3,5	
51	B12DCVT184	Lã Văn	Toán	D12CQVT04-B	9,0	9,0	6,0	8,5	6,0	6,9	
52	B12DCVT287	Dương Thế	Trọng	D12CQVT06-B	9,0	8,0	9,0	9,0	7,5	8,0	
53	B12DCVT339	Nguyễn Thành	Trung	D12CQVT07-B	7,0	7,0	4,0	7,0	0,5	2,8	
54	B12DCVT340	Nguyễn Ngọc	Tú	D12CQVT07-B	9,0	8,0	7,0	6,0	6,5	6,9	
55	B12DCVT237	Vũ Mạnh	Tú	D12CQVT05-B	9,0	8,0	7,0	5,0	1,0	3,5	
56	B12DCVT341	Lê Công	Tuấn	D12CQVT07-B	10,0	7,0	7,0	9,0	3,0	5,1	
57	B12DCVT342	Đào Hoàng	Tùng	D12CQVT07-B	7,0	8,0	9,0	8,0	1,5	4,1	
58	B12DCVT190	Trần Hữu	Tùng	D12CQVT04-B	7,0	7,0	6,0	6,0	0,0	2,6	
59	B12DCVT044	Nguyễn Phúc	Tường	D12CQVT01-B	7,0	7,0	6,0	5,5	1,5	3,5	
60	B12DCVT345	Bùi Đức	Việt	D12CQVT07-B	9,0	7,0	6,0	5,0	1,0	3,3	
61	B12DCVT094	Lê Văn	Vượng	D12CQVT02-B	7,0	6,5	7,0	7,0	2,5	4,3	
62	1021010029	Nguyễn Đức	Dũng	D10VT1	0,0	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
63	1021010292	Ngô Hồng	Son	D10VT4	0,0	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
64	B111C65041	Nguyễn Xuân	Tiến	C11VT1	0,0	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
65	B112101246	Hà Anh	Tú	D11VT5	0,0	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
66	B112101395	Hồ Lý	Tuấn	D11VT8	3,0	5,0	7,0	5,5	0,0	2,0	

**Ghi chú:**

- Số SV theo DS: 66 SV  
 - Số SV thi đạt: 51 SV  
 - Số SV thi không đạt: 14 SV  
 - Số SV thi lại: 1 SV

- Số SV dự thi: 61 SV  
 - Số SV vắng thi: 0 SV  
 - Số SV vắng thi có phép: 0 SV

**CÁN BỘ KHỚP PHÁCH**

**SỐ 1**

**SỐ 2**

*Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2016*

**TRƯỞNG TRUNG TÂM**

**Phạm Anh Tuấn**

**Nguyễn Hoa Cường**

**Nguyễn Xuân Trường**







